

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày 12-7-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt) và ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 (vắng mặt); đều trú tại: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 10 năm 2021).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 1975 (vắng mặt); trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Ma Thị K, sinh năm 1980; trú tại Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Người làm chứng: Bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn K, đại diện theo ủy quyền của ông K

trình bày: Bà và anh H có mối quan hệ đồng nghiệp (trước đây cùng công tác trong trường tiểu học Q, huyện S) nên ngày 17/8/2011, anh H có hỏi vay tiền của vợ chồng bà để mua xe ô tô, vợ chồng bà đồng ý và cho anh H vay số tiền 40.000.000đồng. Khi vay anh H có viết giấy vay tiền và thỏa thuận đến ngày 17/8/2018 sẽ trả cho bà số nợ gốc 40.000.000đồng. Còn lãi hai bên thỏa thuận miệng với nhau theo đó mỗi tháng anh H trả cho bà 500.000đồng. Bà đã giao tiền trực tiếp cho anh H tại trường tiểu học Q, huyện S, khi giao tiền có bà Lê Thị Minh N chứng kiến việc giao tiền cho anh H và bà N có ký vào là người làm chứng trong giấy vay tiền. Khi giao tiền không có mặt chị Ma Thị K (chị K là vợ anh H) ở đó. Trong quá trình vay số tiền trên, anh H đã trả được cho bà đến tháng 01/2013 với số tiền lãi mỗi tháng là 500.000đồng. Anh H chưa trả nợ gốc 40.000.000đồng cho vợ chồng bà.

Đến ngày 17/01/2013, anh H lại hỏi vay vợ chồng bà để thay xe ô tô nên vợ chồng bà đã cho anh H vay thêm số tiền 50.000.000đồng. Khi vay anh H đã viết giấy vay tiền và ký vào chỗ người nhận tiền. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng cả hai khoản nợ là 90.000.000đồng với mức lãi là 700.000đồng/tháng/90.000.000đồng và hẹn đến khi nào anh H chuyển trường sẽ trả cho vợ chồng bà. Kể từ tháng 02/2013 đến tháng 8/2018 anh H đã trả được 46.200.000đồng tiền lãi (66 tháng x 700.000đồng).

Đến tháng 8/2018, anh H chuyển công tác về trường tiểu học thị trấn H, huyện L là thời hạn trả tiền của cả hai khoản nợ trên, bà đã nhiều lần đến gặp anh H đề nghị anh H trả nợ nhưng anh H đều hẹn trả sau đến nay vẫn chưa trả nợ gốc cho vợ chồng bà. Nay vợ chồng bà đề nghị anh H phải cho vợ chồng bà tổng số tiền nợ gốc là 90.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Không yêu cầu chị Ma Thị K (vợ anh H) phải trả nợ vì khoản nợ trên là khoản nợ riêng của anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Viết H trình bày: Anh và bà Nguyễn Thị Th có mối quan hệ là đồng nghiệp (trước đây anh và bà Th cùng dạy ở trường tiểu học Q, huyện S) nên ngày 17/8/2011, anh có vay của bà Th số tiền 40.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay anh cũng không nhớ rõ, lãi suất hai bên thỏa thuận mỗi tháng anh trả cho bà Th 500.000đồng, anh đã trả lãi cho bà Th từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2013 tổng số tiền là 29 tháng x 500.000đồng = 14.500.000đồng. Mục đích anh vay là để mua xe ô tô, khoản vay này anh vay một mình và sử dụng cho bản thân, không liên quan đến vợ anh. Khi anh nhận khoản tiền này, anh nhận tại nhà bà Th và không có ai chứng kiến. Đến ngày 17/01/2013, anh lại vay của bà Th số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay để thay xe ô tô khác, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và cũng không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Đối với lãi, hai bên thỏa thuận anh phải trả cho bà Th mỗi tháng là 700.000đồng trên số tiền nợ gốc cả hai lần vay là 90.000.000đồng. Anh đã trả lãi cho bà Th từ tháng 2/2013 đến tháng 8/2018 là 66 tháng x 700.000đồng = 46.200.000đồng. Khoản vay lần 2 anh xác nhận là khoản vay của riêng anh để sử dụng cho bản thân không liên quan đến vợ anh là chị K.

Từ tháng 9/2018 anh chuyển công tác về trường tiểu học thị trấn H, huyện L và không trả lãi cho bà Th nữa. Các lần Tòa án báo gọi, anh có nhận được các thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải, quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ, đơn khởi kiện, giấy vay tiền nhưng vì công tác bận nên anh không lên Tòa án làm việc được. Nay bà Th, ông K khởi kiện anh phải trả số tiền gốc 90.000.000đồng, anh xác định đã trả số tiền này cho bà Th tại ngã tư thuộc tổ dân phố T, thị trấn L. Khi anh trả cho bà Th số tiền trên là trả ngoài đường, không có ai làm chứng và cũng không viết giấy tờ gì, anh cũng không nhớ được thời điểm cụ thể đã trả (anh chỉ nhớ khoảng cuối năm 2018). Đến năm 2019, bà Th lại làm đơn ra Công an huyện Sông Lô về việc yêu cầu anh trả số tiền trên. Tại cơ quan Công an huyện Sông Lô, anh có làm việc với một số cán bộ Công an huyện Sông Lô nhưng anh không nhớ tên. Tại Cơ quan Công an anh đã có biên bản làm việc là đã nói là trả tiền cho bà Th từ cuối năm 2018. Sau đó Công an cũng không gọi anh đến làm việc lần nào nữa. Đối với số tiền lãi anh đã trả cho bà Th anh cũng không có ý kiến gì, anh cũng không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án này. Anh từ chối đối chất tại Tòa án giữa anh với bà Th vì công việc bận anh cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ma Thị K trình bày: Chị với bà Th là người cùng trường tiểu học xã Q, huyện S, năm 2015 chị chuyển về trường tiểu học xã L, huyện L. Việc chồng chị là anh Nguyễn Viết H có vay tiền của vợ chồng bà Th, ông K chị không nắm được. Chị không vay và cũng không biết việc vay tiền của bà Th ông K, nên chưa bao giờ có việc chị trả tiền lãi cho bà Th đối với các khoản vay của anh H. Đến năm 2020 bà Th có đến nhà chị đòi tiền vay của anh H thì chị mới biết là anh H vay tiền của bà Th, ông K. Năm 2011, anh H tự đi mua xe ô tô chị cũng không nắm được anh H lấy tiền từ đâu để đi mua xe, khi chị hỏi anh H thì anh H chỉ nói là đi vay nhưng cũng không nói là vay của ai nên chị cũng không biết anh H vay tiền của ai để mua ô tô. Năm 2013, anh H có đổi xe ô tô khác nhưng chị cũng không biết anh H lấy nguồn tiền từ đâu để đổi xe, khi chị hỏi anh H thì anh H chỉ nói là đi vay nhưng cũng không nói là vay của ai nên chị cũng không biết anh H vay tiền của ai để đổi xe ô tô.

Việc bà Th, ông K khởi kiện anh H về việc vay nợ, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị vì chị đã có đầy đủ lời khai tại Tòa án, chị không bổ sung thêm nội dung gì.

Người làm chứng bà Lê Thị Minh N trình bày: Bà và bà Th, anh H trước đây có công tác tại trường tiểu học Q, huyện S. Năm 2011 bà thấy anh H có vay của bà Th, ông K số tiền là 40.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 17/8/2011 đến 17/8/2018, hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận ngoài. Đến tháng 3/2015 bà về nghỉ hưu nên không thường xuyên gặp bà Th, anh H nữa, sau đó giữa bà Th và anh H trả tiền gốc hay tiền lãi như thế nào bà cũng không nắm được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn K đối với bị đơn là anh Nguyễn Viết H về việc đòi nợ theo Giấy vay tiền ngày 17/8/2011 và giấy ngày 17/01/2013. Theo giấy vay tiền ngày 18/7/2011 các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 17/8/2018, giấy vay nợ ngày 17/01/2013 các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, trong quá trình vay nợ, năm 2020 nguyên đơn có đến gia đình bị đơn là anh Nguyễn Viết H đòi nợ theo hai giấy vay nợ trên và đã được chị Ma Thị K là vợ anh H thừa nhận. Và cũng trong năm 2020, bà Th cũng có đơn ra Công an về việc đòi nợ. Đến ngày 20/9/2021, nguyên đơn có đơn khởi kiện. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện về việc đòi tiền theo giấy vay tiền ngày 17/8/2011 và 17/01/2013, đến ngày 20/9/2021 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Viết H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ma Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Viết H và chị Ma Thị K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh Nguyễn Viết H phải trả 90.000.000 đồng tiền gốc.

Do mối quan hệ đồng nghiệp cùng dạy tại trường tiểu học Q, huyện S nên ngày 17/8/2011, anh Nguyễn Viết H có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Th 40.000.000đồng. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền, thể hiện anh Nguyễn Viết H vay của ông Nguyễn Văn K 40.000.000đồng, thời hạn vay đến 17/8/2018, phía người vay tiền chỉ có chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Viết H, không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, các bên có thỏa thuận lãi suất ngoài là 500.000đồng/tháng. Đến ngày 17/01/2013, vợ chồng ông K và

Thái lại tiếp tục cho anh Nguyễn Viết H vay 50.000.000đồng, các bên có lập văn bản vay tiền, nội dung “Nguyễn Viết H, Ma Thị K trường tiểu học Quang Yên vay của chị Thái 50.000.000đồng”, bên người vay chỉ có chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Viết H, không thể hiện lãi suất vay và thời hạn trả nợ. Nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất ngoài là 700.000đồng/tháng trên tổng số tiền 90.000.000đồng nợ gốc (bao gồm cả hai khoản nợ 40.000.000đồng và 50.000.000đồng). Như vậy, đến ngày 17/01/2013, anh Nguyễn Viết H có vay của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền là 90.000.000đồng. Anh H cho rằng khoảng cuối năm 2018 anh H có trả cho bà Th số tiền trên ở ngoài đường thuộc tổ dân phố T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, khi trả các bên không viết giấy tờ gì, không có người làm chứng. Ngoài lời trình bày trên thì anh H không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc anh H đã trả bà Th số tiền 90.000.000đồng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc anh H phải trả 90.000.000đồng cho nguyên đơn.

Đối với giấy vay tiền ngày 17/8/2011, các bên có thỏa thuận anh H vay của vợ chồng ông K, bà Th 40.000.000đồng, có thỏa thuận thời hạn trả đến ngày 17/8/2018, trong giấy không thể hiện lãi suất nhưng các bên đều thừa nhận anh H trả cho nguyên đơn 500.000đồng/tháng/40.000.000đồng từ ngày 17/8/2011 đến 17/01/2013. Các bên đều trình bày từ tháng ngày 17/8/2011 đến tháng 17/01/2013 là 29 tháng nhưng thực tế là 17 tháng, nguyên đơn cho rằng là do nhầm lẫn trong việc trình bày và khẳng định mức lãi suất các bên vay là 500.000đồng/tháng/40.000.000đồng cũng phù hợp với lãi suất phía bị đơn trình bày và phù hợp với sổ theo dõi trả lãi của nguyên đơn cung cấp, vì vậy cần xác định các bên đã trả số tiền là 500.000đồng/tháng/40.000.000đồng từ ngày 17/8/2011 đến 17/01/2013 (17 tháng), lãi suất các bên đã trả là 1,25%/tháng, cao hơn 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố ($150\% \times 0,75\% = 1,125\%$) (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 29/11/2010 quy định về lãi suất cơ bản từ ngày 01/12/2010 là $9\%/năm = 0,75\%/tháng$). Việc thỏa thuận lãi suất này là trái với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Số tiền lãi mà các bên đã trả vượt quá là $40.000.000đồng \times (1,25\% - 0,75\% \times 150) \times (17 \text{ tháng}) = 850.000đồng$. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền đã vượt quá này vào số nợ gốc nên cần chấp nhận.

Các bên cũng thừa nhận đã trả tiền lãi đến hết tháng 8/2018 trên số nợ gốc 90.000.000đồng, từ sau đó không có việc trả lãi tiếp, nay nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi từ sau tháng 8/2018 đến nay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $(90.000.000đồng - 850.000đồng) \times 5\% = 4.457.500 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Th đối với anh Nguyễn Viết H.

Buộc anh Nguyễn Viết H phải trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Th số tiền là 89.150.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.457.500 đồng.

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001830 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa